

Số: 71 /2022/QĐST - HNGĐ

Hà Tĩnh, ngày 22 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH  
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

**Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên họp:* Bà Nguyễn Thị Bích Đào

*Thư ký phiên họp:* Bà Lê Thị Hạnh

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp:* Ông Trần Vinh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 95/2022/TLST - HNGĐ ngày 20/5/2022 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, Theo Quyết định mở phiên họp số 65/2022/QĐ-TA ngày 06/7/2022 gồm những người tham gia tố tụng sau:

*Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:*

- Chị Trần Thị P, sinh năm 1989; HKTT: Khối H, Thị trấn T, huyện T, tỉnh Nghệ An (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt);

- Anh Nguyễn Đình D, sinh năm 1985; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh; (Hiện đang lao động tự do tại Đài Loan - Vắng mặt tại phiên họp).

**NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Trần Thị P trình bày như sau:

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị P và anh Nguyễn Đình D đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 16/3/2012 tại Ủy ban nhân dân Thị trấn H, huyện T, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện và không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian. Đến tháng 5/2014, anh D đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vợ chồng sống cách xa nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách không hòa hợp, thiếu sự quan tâm và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Hiện tại, cả hai đều nhận thấy tình cảm không còn, không mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên chị P làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới tốt đẹp hơn.

*Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung cháu Nguyễn Trâm A, sinh ngày 24/01/2013, hiện tại cháu đang sống cùng chị P. Khi ly hôn chị P có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung không yêu cầu anh D đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Đình D, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án và được người thân của anh nhận thay. Quá trình xác minh người thân của anh D cung cấp thông tin hiện nay anh đang lao động tại Đài Loan nhưng không có địa chỉ cụ thể nên không thể cung cấp cho tòa án. Anh D cũng đã biết được việc chị P làm đơn xin ly hôn và anh cũng hoàn toàn nhất trí như yêu cầu ly hôn của chị P.

Tại phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau đã đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 26/4/2003 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao, Công văn số 253 ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao: Về tình cảm: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị P và anh Nguyễn Đình D; về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Trần Thị P và anh Nguyễn Đình D: Giao con chung Nguyễn Trâm A, sinh ngày 24/01/2013 cho chị Trần Thị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh D không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản, cản trở; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của chị Trần Thị P và anh Nguyễn Đình D, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại Công văn số 8781/QLXNC-P5 ngày 04/5/2022 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an thể hiện: anh Nguyễn Đình D, sinh ngày 04/6/1985, CMTND số 183526981, Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh đã xuất nhập cảnh 4 lần, xuất cảnh gần đây nhất vào ngày 07/7/2018 qua Sân bay quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Căn cứ quy định tại khoản 25 Điều 3, Điều 122, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 29, 37, 39, 464, của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nội dung yêu cầu của chị Trần Thị P và anh Nguyễn Đình D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.2] Để đảm bảo giải quyết vụ việc đúng quy định pháp luật, Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin về anh Nguyễn Đình D. Tại biên bản xác minh thân nhân anh Danh, ông Nguyễn Đình C (bố đẻ anh D) cho biết: Anh D là con ruột của ông hiện đang đi lao động tại Đài Loan, thi thoảng có liên lạc về gia đình qua điện thoại nhưng địa chỉ cụ thể của anh D tại Đài Loan gia đình không rõ, anh D kết hôn cùng chị P vào năm 2012, việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc, vợ chồng có 01 con chung cháu Nguyễn Trâm A, sinh ngày 24/01/2013, về tài sản chung vợ chồng không có gì. Quá trình chung sống vợ chồng Phương – Danh có mâu thuẫn cụ thể như thế nào gia đình không rõ. Quá trình giải quyết vụ việc anh D cũng thông qua ứng dụng trên điện thoại trao đổi bằng hình ảnh được ghi âm, ghi hình trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị P, anh trình bày thống nhất về thời gian, địa điểm kết hôn, cuộc sống vợ chồng đúng như chị P đã trình bày. Anh kết hôn với chị P vào năm 2012 tại UBND thị trấn H, huyện T, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vì cuộc sống mưu sinh, tháng 5/2014 anh phải đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vợ chồng sống cách xa nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai thiếu sự quan tâm và chia sẻ với nhau, hiện tại anh cũng nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau nên chị P làm đơn ly hôn anh cũng nhất trí ly hôn; Về con chung: Anh thống nhất giao con chung Nguyễn Trâm A, sinh ngày 24/01/2013 cho chị Trần Thị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản, cản trở; Về tài sản chung, nợ chung: Không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh D trình bày thêm hiện tại anh đang lao động tự do tại Đài Loan do điều kiện công việc anh không thể về Việt Nam để trực tiếp giải quyết việc ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn vắng mặt, anh đồng ý việc Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng qua người thân ở Việt Nam là bố đẻ ông Nguyễn Đình C; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Xét thấy, chị Trần Thị P và anh Nguyễn Đình D đã thống nhất thỏa thuận được với nhau về quan hệ tình cảm, con chung, tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, Tòa án căn cứ quy định tại Điều 29, 361 Bộ luật tố tụng dân sự chuyển quan hệ pháp luật từ vụ án “*Ly hôn*” thành “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*” và căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Tòa án thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng cho anh D thông qua người thân là bố đẻ ông Nguyễn Đình C.

[1.3] Chị Trần Thị P và anh Nguyễn Đình D đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt chị Trần Thị P và anh Nguyễn Đình D theo thủ tục chung.

[1.4] Chị Trần Thị P có văn bản đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Căn cứ các Điều 205, 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã ban hành Thông báo số 17/TB – TA ngày 21/6/2022 về việc vụ việc không hòa giải được.

[1.5] Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định mở phiên họp giải quyết việc hôn nhân gia đình theo đúng quy định pháp luật.

[1.6] Tòa án yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu chứng cứ và tiến hành xác minh tài liệu chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ là tuân thủ quy định tại các Điều 93, 94, 95, 96, 97, 208 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị P và anh Nguyễn Đình D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/3/2012 tại Ủy ban nhân dân Thị trấn H, huyện T, tỉnh Nghệ An nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì anh D đi xuất khẩu lao động và vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vì vợ chồng sống cách xa nhau, thiếu sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ nên tình cảm dần phai nhạt. Hiện tại, chị P và anh D đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục, duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa, mong muốn được ly hôn để tạo lập cuộc sống mới.

Xét thấy: Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau...nhưng hôn nhân giữa chị P và anh D không đạt được mục đích đó, mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, chung thủy, giúp đỡ nhau.

*Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn” (khoản 1 Điều 51); “Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn....”(Điều 55).*

Như vậy, chị Trần Thị P và anh Nguyễn Đình D đã tự nguyện thỏa thuận ly hôn. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị P và anh Nguyễn Đình D có 01 con chung, khi ly hôn vợ chồng đều thống nhất giao con chung Nguyễn Trâm A, sinh ngày 24/01/2013 cho chị Trần Thị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh D không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản, cản trở. Xét thấy, từ khi anh D đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan đến nay cháu Trâm Anh sống cùng chị P, được mẹ chăm sóc, yêu thương cháu phát triển tốt cả về

thể chất và tinh thần, cháu cũng đã có đơn trình bày nguyện vọng muốn sống cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu cần căn cứ quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của vợ chồng về việc chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung sau ly hôn như các đương sự đã trình bày.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Từ những phân tích trên, xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật, không vi phạm điều cấm. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn, nuôi con của chị Trần Thị P và anh Nguyễn Đình D.

[3] Về lệ phí: Các đương sự phải chịu lệ phí việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 146, 149, 361, 367, 369, 370 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị P và anh Nguyễn Đình D.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Trần Thị P và anh Nguyễn Đình D: Giao con chung Nguyễn Trâm A, sinh ngày 24/01/2013 cho chị Trần Thị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh D không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cấm, cản trở.

3 Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Áp dụng Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 4, 6, 9, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm của chị Trần Thị P (đã nộp tại biên lai số 0000199 ngày 19/5/2022 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

**Nơi nhận:**  
- TAND cấp cao;

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC HNGD  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

- VKS, THA tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA.

**Nguyễn Thị Bích Đào**